UBND HUYỆN KÔNG CHRO **TRƯỜNG MẦM NON HOÀ BÌNH**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 07/QĐ - MNHB	*Kông chro, ngày 08 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019

TRƯỜNG MẦM NON HOÀ BÌNH

Thực hiện theo thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND Huyện Kông Chro Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách cho các cơ quan đơn vị năm 2019;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của trường Mầm non Hoà Bình (theo các biểu đính kèm).

Điều 2: Trường Mầm non Hoà Bình, Công đoàn cơ sở Trường Mầm non Hoà Bình, Tổ văn phòng và các đơn vị có liên quan thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký

Nơi nhận: - Phòng Tài chính – Kế hoạch (B/cáo) - Như điều 2 - Lưu VT	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H. KÔNG CHRO T. GIA LAI TRƯỜNG MẦM NON HÒA BÌNH **Vương Thị Nga**

Đơn vị: Trường Mầm non Hoà Bình
Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 07/QĐ – MNHB ngày 08/01/2019 của trường Mầm non Hoà Bình)

ĐVT: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	KINH PHÍN NSNN CẤP BẰNG DỰ TOÁN	**1.289.497**
I	**Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**1.112.272**
1	Lương và các khoản phụ cấp đóng góp. Trong đó	1.019.572
-	*Biên chế có mặt được cấp có thẩm quyền giao*	*496.119*
-	*Nguồn kinh phí CCTL 180.000*	*125.732*
-	*Biên chế thiếu được cấp có thẩm quyền giao*	*290.371*
-	*HĐLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP*	*58.710*
-	*Dự phòng nâng lương*	*48.640*
2	Chi khác - theo định mức	92.700
II	**Nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**177.225**
1	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo 3, 4, 5 tuổi	177.225

Người lập

Phạm Đức Diện

Thủ trưởng đơn vị

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H. KÔNG CHRO T. GIA LAI
TRƯỜNG MẦM NON HÒA BÌNH

Vương Thị Nga

UBND HUYỆN KÔNG CHRO
TRƯỜNG MẦM NON HOÀ BÌNH

Số: 35/QĐ - MNHB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kông chro, ngày 20 tháng 05 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu xét duyệt quyết toán thu - chi ngân sách năm 2018

TRƯỜNG MẦM NON HOÀ BÌNH

Thực hiện theo thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ kết quả kiểm tra quyết toán thu chi ngân sách năm 2018 của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Không Chro đối với trường Mầm non Hoà Bình;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2018 của trường Mầm non Hoà Bình (Có số liệu chi tiết kèm theo).

Điều 2: Trường Mầm non Hoà Bìnht, Công đoàn cơ sở trường Mầm non Hoà Bình, tổ văn phòng và các đơn vị có liên quan thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký

Nơi nhận:
- Phòng Tài chính – Kế hoạch (B/cáo)
- Như điều 2
- Lưu VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO H. KÔNG CHRO - GIA LAI
TRƯỜNG MẦM NON HOÀ BÌNH

Vương Thị Nga

Đơn vị: Trường Mầm non Hoà Bình
Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 35/QĐ – MNHB ngày 20/05/2019 của trường Mầm non Hoà Bình)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
I	**Quyết toán thu**	**1.077.404.000**	**1.077.404.000**
A	**Tổng số thu**	**1.077.404.000**	**1.077.404.000**
	Ngân sách nhà nước cấp bằng dự toán	1.077.404.000	1.077.404.000
II	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**991.433.239**	**991.433.239**
1	Chi quản lý hành chính	**991.433.239**	**991.433.239**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	**Kinh phí không tự chủ**	**991.433.239**	**991.433.239**
	Kinh phí thường xuyên - Mã nguồn 12 - 075	**971.363.458**	**971.363.458**
6001	Lương theo ngạch, bậc	207.298.001	207.298.001
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	55.204.800	55.204.800
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	46.660.800	46.660.800
6101	Phụ cấp chức vụ	16.409.262	16.409.262
6102	Phụ cấp khu vực	55.140.000	55.140.000
6103	Phụ cấp thu hút	32.159.400	32.159.400
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	167.094.200	167.094.200
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	17.337.962	17.337.962
6121	Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện KT-XH ĐBKK	33.410.000	33.410.000
6253	Tiền tàu xe nghỉ phép năm	6.700.000	6.700.000
6299	Chi phúc lợi tập thể khác	6.350.000	6.350.000
6301	Bảo hiểm xã hội	57.184.634	57.184.634
6302	Bảo hiểm y tế	9.803.080	9.803.080
6303	Kinh phí công đoàn	6.535.387	6.535.387
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	2.588.552	2.588.552
6401	Tiền ăn	109.920.000	109.920.000
6501	Tiền điện	1.197.802	1.197.802
6551	Văn phòng phẩm	22.723.000	22.723.000
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	18.560.000	18.560.000
6605	Thuê bao kênh VT; cáp TH; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	600.000	600.000
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	140.000	140.000
6702	Phụ cấp công tác phí	8.800.000	8.800.000
6703	Tiền thuê phòng ngủ	900.000	900.000
6757	Thuê lao động trong nước	21.817.380	21.817.380
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	4.010.000	4.010.000
7001	Chi mua hàng hoá, vật tư	30.885.000	30.885.000
7049	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác	5.295.000	5.295.000
7799	Chi các khoản khác	26.639.198	26.639.198

	Kinh phí cải cách tiền lương **Mã nguồn:14 - Khoản: 075**	**20.069.781**	**20.069.781**
6001	Lương theo ngạch, bậc	7.354.794	7.354.794
6101	Phụ cấp chức vụ	566.994	566.994
6102	Phụ cấp khu vực	1.440.000	1.440.000
6103	Phụ cấp thu hút	1.406.160	1.406.160
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	5.545.260	5.545.260
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	606.102	606.102
6121	Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện KT-XH ĐBKK	1.170.000	1.170.000
6301	Bảo hiểm xã hội	1.492.383	1.492.383
6302	Bảo hiểm y tế	255.834	255.834
6303	Kinh phí công đoàn	170.554	170.554
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	61.700	61.700

Người lập

Phạm Đức Diện

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG MẦM NON HÒA BÌNH

Vương Thị Nga